

Bản án số: 201/2025/HS-ST

Ngày: 23-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Thẩm phán: Ông Phạm Viết Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Vũ Thuý Hằng

Ông Phạm Văn Hải

Ông Bùi Quang Việt

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Hoàn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 237/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1880/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Kiều Trần K; Sinh ngày 28/7/1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: X ấp 4, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công an (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 8869 ngày 02/11/2023 của Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh); Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kiều Đình H và bà Trần Thị H1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2023 – Có mặt.

Người bào chữa:

1) Bà Lại Kim K1 là luật sư của Văn phòng luật sư Prolaf thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Kiều Trần K – Vắng mặt.

2) Bà Nguyễn Ngọc T là luật sư của Văn phòng luật sư Hồ Trung Hiếu thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Kiều Trần K – Có mặt.

Bị hại:

Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công an huyện H: Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số X Trần Hưng Đạo, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc N, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy uỷ quyền số 2359/GUQ-CATP-CSGT ngày 23/4/2025 của Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh) – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) ông Nguyễn Thanh T1; Sinh năm 1977; Thường trú: X Tân Thới 1, Tân Hiệp, H, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

2) ông Nguyễn Hồng Q; Sinh năm 1968; Thường trú: X ấp Chánh 1, Tân Xuân, H, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3) bà Nguyễn Thị Mỹ H2; Sinh năm 1986; Thường trú: Y ấp Chánh 1, Tân Xuân, H, Thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4) bà Nguyễn Thị C; Sinh năm 1987; Thường trú: X ấp Nam Thới, xã Tam Thới Thôn, H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: X Tô Ký, ấp Chánh 1, Tân Xuân, H, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

5) bà Trần Ngọc N1; Sinh năm 1978; Thường trú: số Y Lê Thị Hà, khu phố 8, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh- Vắng mặt.

6) ông Phạm Trí T2; Sinh năm 1967; Thường trú: X, khu phố 5, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

7) bà Trần Thị H3, sinh năm 1971; Trú tại: 36A ấp 4, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kiều Trần K nguyên là Cán bộ Công an (cấp bậc: Thiếu úy) công tác tại Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện H, từ tháng 12/2012 đến ngày 21/11/2019 thì được điều chuyển công tác về Công an xã T, huyện H. Ngày 02/11/2023, Kiều Trần K bị tước danh hiệu Công an nhân dân, theo Quyết định số 8869 của Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình làm việc tại Công an huyện H, ngày 20/12/2016 Kiều Trần K được bố trí công tác tại Tổ Đăng ký xe thuộc Đội Cảnh sát giao thông (nay là Đội Cảnh sát giao thông trật tự) và được Ban chỉ huy Đội phân công làm nhiệm vụ thu lệ phí đăng ký xe (xe mô tô, xe gắn máy), quản lý nộp biên lai, tiền thu lệ phí đăng ký xe tại đơn vị. Hàng tuần, Kiều Trần K có trách nhiệm báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu lệ phí của Đội về Đội Chính trị Hậu cần (nay là Đội Tham mưu) Công an huyện để kiểm tra, nộp lại cùi biên lai cho Thủ quỹ Công

an huyện và cùng Thủ quỹ đi nộp tiền thu lệ phí vào ngân sách nhà nước; theo quy trình sau:

(1) Hàng ngày, K thực hiện việc thu tiền lệ phí đăng ký xe của người dân (đăng ký mới, sang tên, cấp phó bản) và giữ số tiền này tại đơn vị (để trong két sắt tại Phòng làm việc của Tổ Đăng ký xe).

(2) Thứ năm hàng tuần, K lập bảng kê báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu lệ phí trong tuần, kèm bảng kê chi tiết từng quyền biên lai đã sử dụng (tương ứng với thành tiền đã thu) trình Ban chỉ huy Đội ký duyệt. Sau khi được ký duyệt, K giao bảng kê này cho bộ phận hậu cần thuộc Đội Chính trị hậu cần cùng các cùi biên lai để đối chiếu, kiểm tra. Sau khi đối chiếu, kiểm tra, Đội Chính trị hậu cần lập Phiếu thu tiền và Phiếu chi trình Trưởng Công an huyện ký duyệt để nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện H.

(3) Thứ sáu hàng tuần, căn cứ Phiếu thu và Phiếu chi tiền, Kiều Trần K và Nguyễn Thị C (Thủ quỹ) cùng đến Ngân hàng Agribank chi nhánh H nộp tiền thu được vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện mở tại Kho bạc Nhà nước huyện H.

Trong quá trình công tác, lợi dụng việc cấp phát biên lai thu lệ phí từ Công an Thành phố có thời điểm bị gián đoạn, lãnh đạo Đội cho phép thu lệ phí đăng ký xe của người dân trước (khi có biên lai thu thì ghi bổ sung), Kiều Trần K có hành vi thu tiền lệ phí đăng ký xe rồi không nộp về cơ quan mà chiếm đoạt tổng số tiền 4.113.194.000 đồng mà K đang quản lý và tiêu xài cá nhân.

1. Diễn biến hành vi phạm tội:

(1) Từ ngày 05/4/2019 đến ngày 16/5/2019, tại Công an huyện H hết biên lai thu lệ phí và chưa được Công an Thành phố cấp phát, khi Tổ Đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe của người dân, Kiều Trần K thực hiện việc thu lệ phí nhưng không viết biên lai thu (ghi chú số tiền thu vào hồ sơ đăng ký xe); Tổ Đăng ký xe vẫn làm thủ tục cấp giấy đăng ký xe cho người dân và giao lại hồ sơ đăng ký cho K quản lý để khi có biên lai thì viết bổ sung, lưu kho hồ sơ. Sau khi Đội Chính trị hậu cần Công an huyện nhận được các quyền biên lai thu lệ phí do Công an Thành phố phân bổ thì đã giao lại cho Tổ Đăng ký xe như sau:

Ngày 16/5/2019, Kiều Trần K nhận 30 quyền biên lai (từ quyền số 5301 đến số 5330; số biên lai từ 265001 đến số 266500; K ký nhận trong Sổ “lĩnh, thanh toán tiền và ấn chỉ”). K thực hiện việc ghi bổ sung, lập bảng kê, giao nộp cùi biên lai và nộp tiền đối với 29 quyền biên lai/1.450 hồ sơ; giữ lại quyền số, 50 liên: từ số 266251 đến số 266300; chiếm đoạt tổng số tiền đã thu theo quyền biên lai này là 90.780.000 đồng (50 hồ sơ).

Ngày 20/5/2019, Kiều Trần K nhận 30 quyền biên lai (từ quyền số 5331 đến số 5350; số biên lai từ 266501 đến số 267500; K ký nhận trong Sổ “lĩnh, thanh toán tiền và ấn chỉ”). K thực hiện việc ghi bổ sung, lập bảng kê, giao nộp cùi biên lai và nộp tiền đối với 28 quyền biên lai/1.400 hồ sơ; giữ lại 02 quyền biên lai: số 5341 (50 liên: từ số 267001 đến số 267050), số 5343 (50 liên: từ số

267101 đến 267150) và chiếm đoạt tổng số tiền đã thu theo 02 quyền biên lai này là 97.380.000 đồng (100 hồ sơ).

Tổng số tiền Kiều Trần K chiếm đoạt giai đoạn này là 188.160.000 đồng (03 quyền biên lai/150 hồ sơ).

⁽²⁾ Với cách thức tương tự, từ ngày 02/10/2019 đến ngày 05/11/2019, khi Công an huyện H hết biên lai thu lệ phí, Kiều Trần K tiếp tục thu lệ phí đăng ký xe nhưng không viết biên lai thu (ghi chú số tiền thu vào hồ sơ đăng ký xe). Trong khoảng thời gian này, Kiều Trần K đã thu tổng số tiền lệ phí đăng ký xe là 5.662.631.000 đồng nhưng sau khi nhận các quyền biên lai thu lệ phí cho K, K chỉ thực hiện viết biên lai bổ sung 30/71 quyền biên lai và lập bảng kê báo cáo, nộp số tiền 1.737.597.000 đồng (tương ứng với số biên lai đã viết bổ sung/1.500 hồ sơ), còn lại 3.925.034.000 đồng (tương ứng số biên lai còn lại/2.001 hồ sơ) thì chiếm đoạt, cụ thể:

Ngày 05/11/2019, Kiều Trần K nhận 30 quyền biên lai (từ quyền số 10121 đến số 10150; số biên lai từ 506001 đến số 507500; K ký nhận trong Sổ “lĩnh, thanh toán tiền và ấn chỉ”). K thực hiện việc ghi bổ sung, lập bảng kê, giao nộp cùi biên lai và nộp tiền đối với 17 quyền biên lai; giữ lại 13 quyền biên lai từ số 10138 đến số 10150 và chiếm đoạt tổng số tiền đã thu là 1.211.737.000 đồng (650 hồ sơ).

Ngày 14/11/2019, Kiều Trần K nhận 20 quyền biên lai (từ quyền số 10181 đến số 10200; số biên lai từ 509001 đến số 510000; K ký nhận trong Sổ “lĩnh, thanh toán tiền và ấn chỉ”). K giữ lại toàn bộ 20 quyền biên lai này và chiếm đoạt tổng số tiền đã thu là 1.791.387.000 đồng (1.000 hồ sơ).

Ngày 21/11/2019, Kiều Trần K nhận 20 quyền biên lai (từ quyền số 10221 đến số 10240; số biên lai từ 511001 đến số 512000; K ký nhận trong Sổ “lĩnh, thanh toán tiền và ấn chỉ”). K thực hiện việc ghi bổ sung, lập bảng kê, giao nộp cùi biên lai và nộp tiền đối với 13 quyền biên lai; giữ lại 07 quyền biên lai từ số 10221 đến số 10227 và chiếm đoạt tổng số tiền đã thu là 854.850.000 đồng (312 hồ sơ).

Ngoài ra, trong khoảng thời gian này, Đội phó Nguyễn Thành T1 còn mượn của Đội Cảnh sát Quản lý hành chính Công an huyện 01 quyền biên lai số 5512 và đưa cho Kiều Trần K sử dụng; K cũng thu tiền lệ phí nhưng không cấp phiếu thu, chiếm đoạt tổng số tiền đã thu là 67.060.000 đồng (39 hồ sơ).

Tổng số tiền Kiều Trần K chiếm đoạt giai đoạn này là 3.925.034.000 đồng (2.001 hồ sơ).

Ngày 21/11/2019, Kiều Trần K nhận quyết định điều động công tác về Công an xã T, huyện H. Ban chỉ huy Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện yêu cầu K bàn giao công tác, bàn giao số quyền biên lai chưa sử dụng nhưng K không thực hiện việc bàn giao. Qua làm việc, Kiều Trần K thừa nhận đã chiếm đoạt tổng số tiền thu lệ phí đăng ký xe mà K có trách nhiệm quản lý là 4.113.194.000 đồng (tương ứng 44 quyền biên lai/2.151 hồ sơ).

Sau khi biết được sự việc, trong lúc dọn dẹp nhà, bà Trần Thị H1 (mẹ ruột K) tìm thấy 40 quyển biên lai trong phòng ngủ của K và giao nộp cho Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện. Cán bộ Tổ Đăng ký xe kiểm tra các hộ chủ và bàn làm việc của Kiều Trần K tại Tổ tìm thấy các quyển biên lai còn lại.

2. Kết quả giám định:

Tại Kết luận giám định số 1022/KL-KTHS ngày 17/03/2023, số 3601/KL-KTHS ngày 29/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Chữ ký của Kiều Trần K trên 08 tài liệu cần giám định (Quyển biên lai số 005326, 005341, 005343, 010227; 01 Sổ “lĩnh, thanh toán tiền và ấn chỉ”; 01 Phiếu thu số 39 ghi ngày 25/3/2021; 01 Phiếu chi số 299 ghi ngày 02/11/2021; 01 Bảng kê biên lai thu phí đăng ký xe tháng 11/2019 lần 2 ghi ngày 14/11/2019), so với mẫu so sánh, là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết họ tên Kiều Trần K trên 05 tài liệu cần giám định (01 Phiếu thu số 126 ghi ngày 15/11/2019; 04 Bảng kê biên lai thu phí đăng ký xe tháng 11/2019 lần 3 ghi ngày 21/11/2019, tháng 11/2019 lần 4 ghi ngày 28/11/2019, tháng 12/2019 lần 1 ghi ngày 03/12/2019, tháng 12/2019 lần 2 ghi ngày 06/12/2019), so với mẫu so sánh, là do cùng một người ký, viết ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG AN HUYỆN H – CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên 22 tài liệu cần giám định (Quyển biên lai số 005326, 005341, 005343, 010227; 08 Phiếu thu; 06 Phiếu chi; 04 Bảng kê biên lai thu phí đăng ký xe), so với mẫu so sánh, là do cùng một con dấu đóng ra.

- Không đủ cơ sở kết luận về chữ ký dưới mục “Người thu tiền” trên các tài liệu sau: các tờ biên lai từ số 0511020 đến số 0511025, từ số 0511039 đến số 0511050 thuộc quyển biên lai số 010221. Các tờ biên lai từ số 0275590 đến số 0275600 thuộc quyển biên lai số 005512. Các quyển biên lai số 010144, 010181, 010185, 010187, 010188, 010189.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ viết nội dung trên quyển biên lai số 010223.

- Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người thu tiền” trên tất cả các tài liệu còn lại thuộc 40 quyển biên lai tại mẫu cần giám định (như danh sách tại Bảng Phụ lục 1, trừ 04 quyển biên lai số 005326, 005341, 005343, 010227), so với mẫu so sánh, là đúng với chữ viết, chữ ký của Kiều Trần K, Cao Bá T3, Lê Văn S, Phạm Minh H4.

Tại bản cáo trạng số 644/CT-VKS-P2 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Kiều Trần K về tội: “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Kiều Trần K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện bị hại, ông Nguyễn Ngọc N đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Kiều Trần K về tội: “Tham ô tài sản”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Kiều Trần K từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Cấm đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 05 năm.

Về án phí và các vấn đề khác đề nghị xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư đồng ý về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Kiều Trần K. Về mức hình phạt, luật sư đề nghị xem xét đến bối cảnh phạm tội có một phần tắc trách của cơ quan, người có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát việc thu tiền lệ phí đăng ký xe tại Công an huyện H. Đồng thời, đề nghị xem xét bị cáo có thời gian dài công tác trong ngành công an, đạt nhiều thành tích, gia đình cha ruột cũng công tác trong ngành công an, được tặng nhiều huy chương chiến sỹ vẻ vang, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại trước khi khởi tố vụ án; quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa, đại diện bị hại cũng yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về thân thân, bị cáo có nhân thân tốt, từng bị tai nạn và phải phẫu thuật hộp sọ, sức khỏe yếu. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt khoan hồng hơn so với mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Đối với tình trạng sức khỏe của bị cáo, quá trình điều tra, Viện kiểm sát đã hỏi và làm việc rất kỹ đối với bị cáo để xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Đồng thời tại phiên tòa, bị cáo trình bày rõ ràng, rành mạch về diễn biến hành vi, thủ đoạn phạm tội, số tiền chiếm đoạt thể hiện sức khỏe của bị cáo hoàn toàn bình thường. Về tình tiết đại diện bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Viện kiểm sát nhận thấy, bị cáo là cán bộ ngành công an thuộc lực lượng cơ yếu, giữ vai trò đi đầu trong việc giữ gìn trật tự, an ninh, an toàn xã hội nên nhận thức về pháp luật phải đúng đắn, cao hơn những người dân bình thường nhưng bị cáo lại lợi dụng chính công vụ của mình để thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, do đó cần mức án tương xứng để đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Xét mức án từ 15 năm đến 16 năm tù mà Viện kiểm sát đề nghị đã nằm ở mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề của Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đề nghị giảm nhẹ hơn nữa hình phạt của luật sư và đại diện bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với xã hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, đại diện của tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Kiều Trần K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra; Kết luận giám định số 1022/KL-KTHS ngày 17/03/2023, kết quả khám xét, thu giữ tài liệu đồ vật, kết quả làm việc với Công an huyện H, cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Bị cáo Kiều Trần K nguyên là Cán bộ Công an công tác tại Đội cảnh sát giao thông Công an huyện H. Từ ngày 20/12/2016, Kiều Trần K được bố trí công tác tại Tổ đăng ký xe thuộc Đội Cảnh sát giao thông, Công an huyện H thực hiện nhiệm vụ thu lệ phí đăng ký xe mô tô, gắn máy; quản lý biên lai; tiền thu phí tại đơn vị và có trách nhiệm báo cáo hằng tuần cho Đội Chính trị Hậu cần để kiểm tra. Đồng thời, nộp lại cùi biên lai cho Thủ quỹ, để cùng Thủ quỹ nộp tiền thu lệ phí vào ngân sách Nhà nước. Trong thời gian làm nhiệm vụ, K được Đội phó Nguyễn Thành T1 giao 01 kết sắt tại phòng làm việc với chìa khoá và mật khẩu riêng để cất giữ, quản lý tiền thu được.

[2.2] Năm 2019, lợi dụng việc cấp phát biên lai thu lệ phí từ Công an Thành phố cho Công an huyện có 02 thời điểm bị gián đoạn, Tổ Đăng ký xe giải quyết hồ sơ đăng ký xe của người dân nhưng không viết phiếu thu ngay mà giao lại hồ sơ cho K quản lý, để viết bổ sung biên lai sau rồi mới lưu kho thì K nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền thu phí của Công an huyện H. Theo đó, bị cáo đã lợi dụng công vụ được giao chỉ viết bổ sung 4.399/tổng số 6.550 biên lai, rồi chiếm đoạt số tiền 4.113.194.000 đồng/tổng số 2.151 biên lai. Cụ thể: Giai đoạn từ ngày 05/4/2019 đến ngày 16/5/2019, chiếm đoạt số tiền 188.160.000 đồng; Giai đoạn từ ngày 02/10/2019 đến ngày 05/11/2019, chiếm đoạt số tiền 3.925.034.000 đồng.

[2.3] Với diễn biến hành vi khách quan và hậu quả của tội phạm nêu trên, đã đủ cơ sở kết tội bị cáo Kiều Trần K về tội “Tham ô tài sản” . Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tính đúng đắn trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước của Công an huyện H, ảnh hưởng xấu niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng. Bị cáo là người trên 18 tuổi, không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự, có quyền hạn và trách nhiệm trong việc cấp phát, quản lý biên lai thu lệ phí, quản lý tiền thu lệ phí đăng ký xe mô tô, gắn máy nhưng bị cáo đã lợi dụng chính nhiệm vụ của mình để chiếm đoạt số tiền 4.113.194.000 đồng. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền lệ phí đăng ký xe của Công an huyện H liên tục trong một khoảng thời gian dài nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi bị khởi tố, đã tác động gia đình chủ động nộp khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; trong thời gian làm Công an, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc và được cấp có thẩm quyền tặng thưởng giấy khen Chiến sĩ tiên tiến; cha bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác và được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng 1, hạng 2, hạng 3 và Huy chương vì an ninh tổ quốc; tại phiên tòa đại diện bị hại cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên được xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo chỉ có 01 tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt trước khi khởi tố nên có cơ sở áp dụng nguyên tắc khoan hồng trong xử lý người phạm tội quy định tại Điều 3 của Bộ

luật Hình sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quyết định mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Đối với các cán bộ công an thuộc Đội Cảnh sát giao thông, Đội Chính trị hậu cần, Ban chỉ huy Công an huyện H (ông Nguyễn Thành T1, ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị Mỹ H2, bà Nguyễn Thị C, bà Trần Ngọc N1, ông Phạm Trí T2) có liên quan đến công tác cấp phát, quản lý biên lai thu lệ phí, quản lý tiền thu lệ phí đăng ký xe tại Công an huyện H. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 40/2025/HSST-QĐ ngày 25/02/2025 yêu cầu Viện kiểm sát điều tra làm rõ trách nhiệm liên quan của các cá nhân trên. Kết quả điều tra xác định các cá nhân này không biết việc Kiều Trần K chiếm đoạt tiền thu lệ phí đăng ký xe, không có dấu hiệu vụ lợi, bị cáo K đã thực hiện thủ đoạn dối phỏ, che dấu tội phạm tinh vi nên các cá nhân này không phát hiện được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, vì vậy không xem xét xử lý hình sự đối với các cá nhân này, Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Kiều Trần K. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự chỉ xét xử bị cáo về hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử sơ thẩm.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Kiều Trần K 15 (mười lăm) tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2023.

Xử phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ trong Cơ quan quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS TP. HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Cơ quan điều tra; (1)
- Trại tạm giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (8)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (25) (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang

